

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 7 - 2024.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,  
chia tài sản chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Ngọc Thông.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hồng Sơn.

2. Ông Võ Văn Nhân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Quốc Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Hồ Thị Tiểu Huỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 75/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 11/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2024/QĐST - DS ngày 02/02/2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 19/2024/QĐST - DS ngày 22/02/2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 34/2024/QĐST - DS ngày 17/4/2024 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 436/TB-TA ngày 18/6/2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cao Thị Nguyên Ch, sinh năm 1978. Có mặt.

Địa chỉ: TDP 3, thị trấn L, huyện T, tỉnh Q.

Chỗ ở hiện nay: KDC số 6, An B, thị trấn S, huyện T, tỉnh Q.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hồng Ch, sinh năm: 1974. Vắng mặt không lý do.

Địa chỉ: Đội 4, thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Q.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trụ sở: 163 H, phường Tr, thành phố Q, tỉnh Q.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện ngày 22/4/2022, bản trình bày ngày 17/5/2022, ngày 21/7/2022, ngày 08/10/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 02/01/2023 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Chị Cao Thị Nguyên Ch trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hồng Ch tự nguyện tìm hiểu, yêu đương và có đăng ký kết hôn vào ngày 12/01/1999 tại Ủy ban nhân dân xã thị trấn S, huyện T. Thời gian đầu chung sống vợ chồng sống rất hạnh phúc, nhưng về sau chị nhận thấy anh Ch đối xử với vợ, con rất độc đoán, ích kỷ, quản lý chi tiêu tiền trong sinh hoạt gia đình quá khắc khe, anh chỉ biết coi tiền và tài sản là trên hết. Đồng thời có sự phân biệt đối xử xem thường gia đình bên vợ, thường xuyên dựng chuyện nói vợ không chung thủy. Khi chị và anh Ch có mâu thuẫn thì anh không ngồi lại để giải quyết với nhau mà cứ đưa lên mạng xã hội nói xấu vợ, con, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ tháng 4/2021 chị không còn sống chung với anh Ch cho đến nay.

Nay chị xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Hồng Ch.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Cao D, sinh ngày 02/02/2000 và cháu Nguyễn Cao Bảo Ng, sinh ngày 30/9/2009. Cháu Nguyễn Cao D đã trên 18 tuổi tự lo cho bản thân. Riêng cháu Nguyễn Cao Bảo Ng, khi ly hôn chị Ch yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung gồm:

+ 01 quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1978, tờ bản đồ số 02, diện tích 109m<sup>2</sup>, trong đó đất ở 40 m<sup>2</sup>, đất trồng cây hàng năm khác 69 m<sup>2</sup>, có giá trị 150.000.000 đồng, tại Tổ dân phố 3, thị trấn L, huyện T, tỉnh Q. Giao cho anh Ch quyền sử dụng, anh Ch thôi lại cho bà ½ giá trị bằng tiền cho chị.

+ 01 quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1000, tờ bản đồ số 15, diện tích 141,6m<sup>2</sup> đất ở, trên đất có 01 ngôi nhà xây dựng năm 2004, giá trị nhà và đất khoảng 650.000.000 đồng, tại thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Q. Chị nhận sở hữu nhà và quyền sử dụng đất, chị có trách nhiệm thôi lại ½ giá trị bằng tiền cho anh Ch.

+ 01 xe ô tô biển số 76A-03921, nhãn hiệu INDOVA, 07 chỗ ngồi, giá trị 250.000.000 đồng, giao cho anh Ch trọn quyền sở hữu, anh Ch thôi lại cho chị ½ giá trị bằng tiền.

+ 01 xe mô tô biển số 76X8-1166, nhãn hiệu Wave, hiện anh Ch đang sử dụng, giá trị 6.000.000 đồng, giao cho anh Ch trọn quyền sở hữu, anh Ch thôi lại cho chị ½ giá trị bằng tiền.

+ 01 xe mô tô biển số 76X2-5852, nhãn hiệu Wave, hiện anh Ch đang sử dụng, giá trị 5.000.000 đồng, giao cho anh Ch trọn quyền sở hữu, anh Ch thôi lại cho chị ½ giá trị bằng tiền.

+ 01 xe mô tô biển số 76E1-61101, nhãn hiệu Honda, loại xe SHMODI hiện chị đang sử dụng, giá trị 30.000.000 đồng, chị xin nhận trọn quyền sở hữu và thôi lại cho anh Ch ½ giá trị bằng tiền.

Ngày 20/6/2022 chị Ch có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về tài sản chung đối với thửa đất thửa đất số 1978, tờ bản đồ số 02, diện tích 109m<sup>2</sup>, tại TDP 3, thị trấn L, huyện T, tỉnh Q; 01 xe mô tô biển số 76X8-1166, nhãn hiệu Wave; 01 xe mô tô biển số 76X2-5852, nhãn hiệu Wave, hiện anh Ch; 01 xe mô tô biển số 76E1-61101, nhãn hiệu Honda, loại xe SH MODE chị Ch đang quản lý sử dụng.

Ngày 02/01/2023 chị Cao Thị Nguyên Ch có đơn khởi kiện bổ sung cụ thể:

Thửa đất số 1000, tờ bản đồ số 15, diện tích 141,6m<sup>2</sup>, tại thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Q, được UNND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BI 004176, số cấp: GCN: CH0 5527 ngày 23/12/2011 cho anh Nguyễn Hồng Ch và chị Cao Thị Nguyên Ch. Sau đó chị phát hiện anh Ch tự ý xin cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, là trái với quy định của pháp luật. Chị yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DI 703372, số cấp GCN:CS 17850, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 20/10/2022 đứng tên anh Nguyễn Hồng Châu.

Tại phiên toà chị Ch rút yêu cầu khởi kiện yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với thửa đất số 1000, tờ bản đồ số 15, diện tích 141,6m<sup>2</sup>, số: DI 703372, số cấp GCN:CS 17850, tại thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Q, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 20/10/2022 cho anh Nguyễn Hồng Ch.

- Về nợ chung: Không có.

*Theo bản trình bày ngày 17/5/2022, ngày 23/6/2022 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Nguyễn Hồng Ch trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của cô Chi về thời gian kết hôn. Lý do mâu thuẫn như chị Ch trình bày là không đúng, anh không vi phạm Luật hôn nhân và gia đình, đánh đập vợ con, bạo hành, ngoại tình, rượu chè, cờ bạc, trai gái tình cảm không có gì là phải ly hôn. Do đó, anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Cao D, sinh ngày 02/02/2000 và cháu Nguyễn Cao Bảo Ng, sinh ngày 30/9/2009. Nếu ly hôn các con ở với ai là quyền của các con.

- Về tài sản chung: Anh qua đời để lại cho các con.

- Về nợ chung: Vào tháng 11/2021 vay của anh Nguyễn Quang S 150.000.000 đồng, mượn của bà Nguyễn Thị Thanh H 150.000.000 đồng, vay của ông Nguyễn Hồng D 150.000.000 đồng. Anh Ch không cung cấp các giấy tờ liên quan đến tài sản cho Toà án.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q không có văn bản gửi cho Toà án về ý kiến của mình.*

*- Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Đối với nguyên đơn thực hiện đúng các Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định các Điều 70; 72 và Điều 73 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Chấp nhận đơn xin rút một phần yêu cầu chia tài sản chung, yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DI 703372, số cấp GCN:CS 17850 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 20/10/2022. Đề nghị Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút.

Chị Ch phải chịu án phí về ly hôn. Chị Ch, anh Ch phải chịu án phí chia tài sản theo qui định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định.

**[1]** Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đều cư trú tại huyện T, tỉnh Q. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Q thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2.3] Về sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Toà án tổng đạt các văn bản tố tụng, bị đơn đều từ chối nhận và vắng mặt tại các phiên tòa mà không có lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

**[2]** Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị Nguyên Ch và anh Nguyễn Hồng Ch có đăng ký kết hôn ngày 12/01/1999 tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ được quy định tại các Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Theo lời khai của chị Cao Thị Nguyên Ch: Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh Ch đối xử với vợ, con rất độc đoán, ích kỷ, quản lý chi tiêu tiền trong sinh hoạt gia đình quá khắc khe, anh chỉ biết coi tiền và tài sản là trên hết, phân biệt đối xử xem thường gia đình bên vợ, thường xuyên dựng chuyện nói vợ không chung thủy đưa lên mạng xã hội nói xấu vợ, con. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ tháng 4/2021 chị và anh Ch không còn sống chung với nhau, không quan tâm lẫn nhau. Nay chị xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ch.

[2.3] Theo lời trình bày của anh Nguyễn Hồng Ch: Lý do mâu thuẫn như chị Ch trình bày là không đúng, anh không vi phạm Luật hôn nhân và gia đình, đánh đập vợ con, bạo hành, ngoại tình, rượu chè, cờ bạc, trai gái tình cảm không có gì phải ly hôn. Do đó, tôi không đồng ý ly hôn.

[2.4] Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ nhưng anh và chị không làm được. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh, chị không có tiếng nói chung, nghi ngờ lẫn nhau trong cuộc sống dẫn đến tình cảm không tiến triển mà còn trở nên trầm trọng, không quan tâm lẫn nhau, hiện nay anh, chị sống ly thân không còn tình cảm quan hệ vợ chồng. Xét tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân cũng chỉ là ràng buộc. Căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị Nguyên Ch được ly hôn anh Nguyễn Hồng Ch.

[2.5] Về con chung: Anh, chị có 02 con chung tên Nguyễn Cao D, sinh ngày 02/02/2000 và cháu Nguyễn Cao Bảo Ng, sinh ngày 30/9/2009. Cháu Nguyễn Cao D đã trên 18 tuổi tự lo cho bản thân, Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Nguyễn Cao Bảo Ng, hiện nay đang ở với chị Ch. Xét nguyện vọng của chị Ch, nguyện vọng của cháu Ng xin được ở với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Nguyễn Cao Bảo Ng cho chị Ch trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, chị Ch không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con, được chấp nhận.

[2.6] Về tài sản chung:

- Đối với thửa đất số: 1433, tờ bản đồ số: 12, biến động thành thửa đất số: 1000, tờ bản đồ số: 15, tại xã N, huyện T và 01 xe ô tô biển số 76A-03921, nhãn hiệu INDOVA, 07 chỗ ngồi, mua năm 2000, quá trình tham gia tố tụng chị Ch trình bày các tài sản này là tiền của hai vợ chồng cùng bỏ ra mua, hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, hồ sơ đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hồ sơ đăng ký xe đã thu thập, Hội đồng xét xử xét thấy thửa đất số: 1000, tờ bản đồ số: 15, tích 141,6m<sup>2</sup> đất ở và ngôi nhà cấp IV xây dựng trên thửa đất vào năm 2004 và 01 xe ô tô biển số 76A-03921, nhãn hiệu INDOVA, 07 chỗ ngồi là tài sản phát sinh có được trong thời kỳ hôn nhân đang tồn tại. Đây là tài sản chung do anh Ch, chị Ch tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân. Nên chị Ch yêu cầu chia tài sản chung ½ giá trị tài sản là có căn cứ, nên được chấp nhận.

- Về giá trị của tài sản: Theo Chứng thư thẩm định giá ngày 09/12/2022 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Việt Tín như sau:

+ Thửa đất số 1000, tờ bản đồ số 15, diện tích 141,6m<sup>2</sup> tại xã N, huyện T, tỉnh Q, đất ở có giá trị 1.755.364.507 đồng.

+ Ngôi nhà cấp IV và các công trình xây dựng khác, có giá trị 115.312.513 đồng.

+ 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Innova G, có giá 225.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là: 2.095.677.020 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy đây là tài sản trong thời kỳ hôn nhân mà anh Ch, chị Ch tạo lập có được, hiện nay anh Ch đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Tại phiên tòa chị Ch đồng ý giao khối tài sản nêu trên cho anh Ch trọn quyền sở hữu, quản lý, sử dụng. Anh Ch có trách nhiệm bồi lại cho chị ½ giá trị tài sản tương ứng số tiền 1.047.838.510 đồng là phù hợp nên được chấp nhận.

[3]. Ngày 20/6/2022 chị Ch có đơn xin rút một phần yêu cầu đối với thửa đất số 1978, tờ bản đồ số 02, diện tích 109m<sup>2</sup>, tại TDP 3, thị trấn L, huyện T, tỉnh Q, 01 xe mô tô biển số 76X8-1166, nhãn hiệu Wave, 01 xe mô tô biển số 76X2-5852, nhãn hiệu Wave, 01 xe mô tô biển số 76E1-61101, nhãn hiệu Honda, loại xe SHMODI, Tại phiên tòa chị Ch rút yêu cầu khởi kiện yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với thửa đất số 1000, tờ bản đồ số 15, diện tích 141,6m<sup>2</sup>, số: DI 703372, số cấp GCN:CS 17850, tại thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Q, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 20/10/2022 cho anh Nguyễn Hồng Ch. Bị đơn không phản tố nên được chấp nhận.

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung đối với tài sản nêu trên và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với thửa đất số 1000, tờ bản đồ số 15, diện tích 141,6m<sup>2</sup>, số: DI 703372, số cấp GCN:CS 17850, tại thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 20/10/2022.

Hậu quả của việc đình chỉ: Chị Ch, anh Ch có quyền khởi kiện lại bằng một vụ án khác.

[5] Về khoản nợ: Theo lời khai của anh Ch, vào tháng 11/2021 anh có vay của ông Nguyễn Quang S số tiền 150.000.000 đồng, mượn của bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 150.000.000 đồng, vay của ông Nguyễn Hồng D số tiền 150.000.000 đồng. Chị Ch cho rằng việc anh Ch tự vay, mượn tiền chị không hề hay biết. Trong giai đoạn này chị và anh Ch sống ly thân và không chịu trách nhiệm trả. Tòa án triệu tập ông S, ông D, bà H để làm việc nhưng các ông, bà nêu trên không đến. Tòa án đã có văn bản gửi cho những người nêu trên biết để thực hiện quyền của mình khởi kiện, nhưng những người nêu trên không có đơn khởi kiện. Do đó, Hội đồng xét xử không xét. Nếu sau này quyền lợi của mình bị xâm phạm thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[6]. Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

[7]. Về án phí: Chị Cao Thị Nguyên Ch phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Ch và anh Ch phải chịu tiền án phí chia tài sản theo quy định của pháp luật.

[8]. Về chi phí tố tụng: Chị Cao Thị Nguyên Ch và anh Nguyễn Hồng Ch phải chịu theo quy định của pháp luật

[9] Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 157, Điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 3 Điều 218, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82, Điều 83, Điều 38 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 15, Điều 213; Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị Nguyên Ch. Chị Cao Thị Nguyên Ch được ly hôn anh Nguyễn Hồng Ch.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Cao Bảo Ng, sinh ngày 30/9/2009 cho chị Cao Thị Nguyên Ch trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Nguyễn Hồng Ch không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Giao cho anh Nguyễn Hồng Ch trọn quyền quản lý sử dụng, quyền sở hữu tài sản chung gồm:

+ Thừa đất số 1000, tờ bản đồ số 15, diện tích 141,6m<sup>2</sup> tại xã N, huyện T, tỉnh Q, đất ở có giá trị 1.755.364.507 đồng.

+ Ngôi nhà cấp IV và các công trình xây dựng khác, có giá trị 115.312.513 đồng.

+ 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Innova G, có giá 225.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là: 2.095.677.020 đồng (Hai tỷ, không trăm chín mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi bảy nghìn, không trăm hai mươi đồng)

Anh Nguyễn Hồng Ch có trách nhiệm thối lại  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản (chia tài sản chung) cho chị Cao Thị Nguyên Ch tương ứng số tiền là: 1.047.838.510 đồng (Một tỷ, không trăm bốn mươi bảy triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn, năm trăm mười đồng).

Các đương sự liên hệ các cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục theo quy định Luật đất đai năm 2013.

4. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung đối với thửa đất số 1978, tờ bản đồ số 02, diện tích 109m<sup>2</sup>, tại TDP 3, thị trấn L, huyện T, tỉnh Q, 01 xe mô tô biển số 76X8-1166, nhãn hiệu Wave, 01 xe mô tô biển số 76X2-5852, nhãn hiệu Wave, 01 xe mô tô biển số 76E1-61101, nhãn hiệu Honda, loại xe SHMODI. Yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 1000, tờ bản đồ số 15, diện tích 141,6m<sup>2</sup>, số: DI 703372, số cấp GCN:CS 17850, tại thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Q, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 20/10/2022 cho anh Nguyễn Hồng Ch.

Hậu quả của việc đình chỉ: Chị Cao Thị Nguyên Ch và anh Nguyễn Hồng Ch có quyền khởi kiện lại bằng một vụ án khác.

5. Về khoản nợ: Ông Nguyễn Quang S, bà Nguyễn Thị Thanh H, ông Nguyễn Hồng D xét thấy quyền lợi của mình bị xâm phạm thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

6. Về án phí: Chị Cao Thị Nguyên Ch phải chịu số tiền 300.000 đồng, tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 43.435.155 đồng, tiền án phí chia tài sản chung. Tổng cộng số tiền án phí chị Ch phải chịu là 43.735.155 đồng được khấu trừ vào số tiền 13.510.000 đồng. Chị Ch đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 000207 ngày 28/4/2022 và biên lai số: 0004802 ngày 06/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Q. Chị Ch còn phải tiếp tục nộp số tiền án phí là 30.225.155 đồng (Ba mươi triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn, một trăm năm mươi lăm đồng).

Anh Nguyễn Hồng Ch phải chịu số tiền án phí chia tài sản chung là 43.435.155 đồng (Bốn mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi lăm nghìn, một trăm mười lăm đồng).

7. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 2.000.000 đồng, chi phí đo đạc số tiền 5.000.000 đồng, chi phí thẩm định giá tài sản số tiền 7.000.000 đồng. Tổng số tiền 14.000.000 đồng. Anh Nguyễn Hồng Ch và chị Cao Thị Nguyên Ch mỗi người phải chịu số tiền 7.000.000 đồng, chị Ch tạm ứng trước



số tiền trên và đã chi xong, anh Ch có trách nhiệm hoàn trả lại cho chị Ch số tiền 7.000.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi suất của số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

9. Quyền kháng nghị: Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Q;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND TTS.
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Ngọc Thông**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán chủ tọa phiên tòa**

**Võ Văn Nhân**

**Nguyễn Hồng Sơn**

**Võ Ngọc Thông**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**